

Bản án số: 09/2018/DS-PT

Ngày: 18-9-2018

V/v tranh chấp  
quyền sở hữu đối với tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tử Lượng

*Các Thẩm phán:* Ông Đinh Huy Lương

Ông Trịnh Việt Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:*** Bà Đinh Thị Nga – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về Tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** - Anh Lê Văn B sinh năm 1969

- Chị Nguyễn Thị Th sinh năm 1972

Cùng trú tại địa chỉ: Số B/10, phường N, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

2. ***Bị đơn:*** - Anh Phạm Đình Tuấn sinh năm 1967

- Chị Phạm Thị Bảy sinh năm 1975

Cùng trú tại địa chỉ: Ngõ M, đường N, tổ H, phường Tr, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của anh T, chị B:* Anh Lê Văn Th sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà N, tổ M, phường B, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 9 năm 2018).

3. ***Người kháng cáo:*** Bị đơn anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

Khoảng tháng 4 năm 2015, vợ chồng anh chị có mua căn nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 141, tờ bản đồ số 24, tại tổ 10 phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình của vợ chồng anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B. Trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hai bên đã ký kết ngày 23/4/2015 ghi giá chuyển nhượng là 250.000.000 đồng, nhưng hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng thực tế là 540.000.000 đồng.

Ngày 19 tháng 4 năm 2015, vợ chồng anh B, chị Th đến gia đình anh T, chị B, tại tổ 10 phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp giao 240.000.000 đồng, số tiền còn lại 300.000.000 đồng hai bên thỏa thuận 1 tháng sau sẽ trả hết. Bên bán nhận số tiền 240.000.000 đồng và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên mua để làm thủ tục chuyển nhượng. Việc giao nhận số tiền trên có giấy biên nhận, có chữ ký của vợ chồng anh B, chị Th và vợ chồng anh T, chị B.

Ngày 17 tháng 5 năm 2015, vợ chồng anh B, chị Th đến nhà anh T, chị B trả thêm số tiền mua nhà đất là 200.000.000 đồng. Chị B nhận đủ 200.000.000 đồng và cùng chị Th ký nhận vào giấy biên nhận tiền.

Khoảng 19 giờ ngày 20 tháng 5 năm 2015, vợ chồng anh B, chị Th đến nhà anh T, chị B để trả nốt tiền mua nhà đất. Khi đến nơi, chị Th lấy tiền ra để trên bàn đếm lần lượt từng buộc tiền và đưa cho anh B đếm lại. Anh B đếm xong giao trực tiếp cho chị B đếm lại một lần nữa. Số tiền lần này anh B, chị Th trả cho anh T, chị B là 200.000.000 đồng, gồm 7 buộc: 02 buộc mệnh giá 500.000 đồng = 100.000.000 đồng, 05 buộc mệnh giá 200.000 đồng = 100.000.000 đồng. Sau khi giao nhận xong số tiền 200.000.000 đồng, chị Th viết giấy biên nhận tại nhà anh T và đọc lại cho mọi người cùng nghe, chị B đọc lại một lần nữa và ký tên. Sau đó, hai bên ngồi nói chuyện vui vẻ, chị B có nói “hôm trước anh chị có xin cái bình nóng lạnh nhưng con em vẫn còn bé nên em không cho, em mang về, giờ gửi lại cho anh chị 1.000.000 đồng”. Nói xong, chị B rút 02 tờ 500.000 đồng đưa cho chị Th. Việc mua bán nhà đất, giao nhận tiền coi như đã xong, anh B, chị Th mang giấy giao nhận tiền về cất vào tủ.

Ngày 13 tháng 8 năm 2017, anh B, chị Th lật lại các khoản nợ và cộng lại giấy biên nhận giao tiền thì phát hiện ra đã trả thừa cho anh T, chị B 100.000.000 đồng tiền mua nhà. Ngày 16 tháng 8 năm 2017, anh chị photo giấy biên nhận giao tiền mang sang nhà anh T, chị B nói chuyện việc trả nhầm tiền và xin lại số tiền trả thừa. Anh T, chị B không đồng ý trả nên vợ chồng anh B, chị Th ra về. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19 tháng 8 vợ chồng anh B, chị Th có đến nhà anh T, chị B một lần nữa để nói chuyện về việc xin lại số tiền mua nhà trả thừa, thì chị B gọi điện cho 4 người đàn ông trẻ đến lăng mạ, đe dọa chém và đuổi anh B, chị Th ra khỏi nhà.

Vì vậy, anh B, chị Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị B trả lại cho anh, chị số tiền mua nhà đã trả thừa do nhầm lẫn là 100.000.000 đồng, không yêu cầu phải trả lãi.

Đối với dòng chữ “+ (âm lịch 3/4/2015)” trong bản photo tờ Giấy biên nhận giao tiền, anh B chị Th xác nhận: Lúc đầu không có nhưng sau khi photo gửi cho anh T, chị B thì chị Th có xem lại lịch và ghi chú thêm cho chặt chẽ, rõ ràng ngày âm lịch và ngày dương lịch rồi photo gửi cho Tòa án cùng với đơn khởi kiện chứ không có ý gì khác. Anh B, chị Th xác định ngày 20/5/2015 là ngày dương lịch như lúc đầu đã ghi trong tờ “Giấy biên nhận giao tiền”.

*Tại các Bản tự khai, Biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B và người đại diện hợp pháp trình bày:*

Việc mua bán chuyển nhượng ngôi nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 24, tại tổ 10, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp giữa vợ chồng anh chị với vợ chồng anh B, chị Th như trình bày của nguyên đơn là đúng. Trong Hợp đồng đã ký kết với nhau ghi giá chuyển nhượng nhà đất là 250.000.000 đồng, nhưng hai bên thỏa thuận giá thực tế chuyển nhượng mà bên mua phải trả cho bên bán là 540.000.000 đồng; thanh toán làm 2 lần nhưng thực tế anh B, chị Th trả tiền cho anh T, chị B làm 3 lần.

Lần thứ nhất: Vào ngày 19/4/2015, anh B, chị Th đến nhà anh T, chị B trả 240.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh T, chị B đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B, chị Th. Việc giao nhận tiền được lập thành 02 giấy biên nhận có cùng nội dung nhưng do 02 người viết (anh B viết một bản, chị Th viết 01 bản); sau đó, cả 02 bên mua và bán đã cùng ký nhận, anh B chị Th giữ 01 bản, anh T chị B giữ 01 bản.

Lần thứ 2: Vào buổi tối ngày 17/5/2015, anh B, chị Th đến nhà anh T, chị B trả 200.000.000 đồng. Thực tế, do đã lâu anh chị T, B không nhớ ngày giao tiền của lần thứ 2 này mà chỉ căn cứ vào Giấy biên nhận giao tiền anh B, chị Th photo gửi cho. Lần giao tiền này chỉ viết vào giấy biên nhận giao tiền do anh B, chị Th giữ và chị B (vợ anh T) ký vào phần bên nhận. Anh T có hỏi anh B: “Có phải ghi vào giấy của anh không”, anh B nói “Thôi anh ạ, ghi vào một giấy của em cũng được”. Anh T đồng ý, không thắc mắc gì thêm. Cả 02 lần giao nhận tiền này chỉ có vợ chồng anh B, chị Th và vợ chồng anh T, chị B biết.

Lần thứ 3: Anh chị cũng không nhớ ngày mà chỉ căn cứ vào Giấy biên nhận giao tiền anh B, chị Th photo gửi, xác định là ngày 20/5/2015. Lần này, chỉ có chị Th đến cùng cháu nhỏ là con gái chị Th và trả cho anh T, chị B 100.000.000 đồng. Số tiền này gồm 5 cọc mệnh giá 200.000 đồng, mỗi cọc trị giá 20.000.000 đồng. Chị B đếm 03 cọc, anh Tuấn đếm 02 cọc. Nội dung giao tiền lần này được chị Th viết sẵn ở nhà vào tờ giấy biên nhận giao tiền do chị Th, anh B giữ. Khi nhận đủ tiền, chị B đọc nội dung giao nhận xong thấy có chữ “Hết” thì ký vào bên nhận, chị Th ký vào bên giao. Việc giao nhận lần này cũng chỉ có vợ chồng anh T, chị B và chị Th biết, không có ai làm chứng. Anh T, chị

B xác nhận chữ ký “Bên nhận” trong giấy biên nhận giao tiền do nguyên đơn nộp cho Tòa án là chữ ký của anh T và chị B.

Anh T, chị B khẳng định khi giao nhận tiền lần thứ 3 anh, chị chỉ nhận từ chị Th 100.000.000 đồng, nhưng cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Anh T, chị B không đồng ý trả lại số tiền như yêu cầu khởi kiện của anh B, chị Th, vì thực tế anh chị không nhận thừa mà chỉ nhận đủ số tiền bán nhà là 540.000.000 đồng như thỏa thuận ban đầu của 2 bên.

Tại kết luận giám định số 07/KLGD-PC54-TL ngày 07/3/2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết tại trang 2 trên tài liệu cần giám định ký kiểu là A (trừ chữ viết “B – Phạm Thị B” dưới mục “Bên nhận”) so với ký, chữ viết của Nguyễn Thị Th trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra.

2. Có dấu vết tẩy xóa, sửa chữa tại vị trí số “3” trong cụm từ “+ (âm lịch 3/4/2015)” tại trang 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Nội dung nguyên thủy trước khi bị tẩy xóa, sửa chữa được xác định là “9”.

3. Dòng chữ “với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng chẵn)” tại trang 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A không bị tẩy xóa, điền thêm.

Tại công văn đính chính số 117/PC 54 ngày 09 tháng 4 năm 2018 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình giải trình, do có sai sót trong kỹ thuật đánh máy nên đính chính phần nội dung tại điểm 2 trong kết luận giám định như sau: Có dấu vết tẩy xóa, sửa chữa tại vị trí số “3” trong cụm từ “+ (âm lịch 3/4/2015)” tại trang 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Nội dung nguyên thủy trước khi bị tẩy xóa, sửa chữa được xác định là “)”.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Th đối với anh Phạm Đình T và chị Phạm Thị B.

- Buộc anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị Th số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Buộc anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị Th số tiền chi phí giám định là 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị Th số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001147 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B phải nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên lỗi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật; quyền thoả thuận, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Ngày 17/5/2018, bị đơn anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, với lý do: Anh T, chị B không cầm số tiền mà nguyên đơn kiện đòi nên không chấp nhận trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 25/6/2018 anh T, chị B có đơn đề nghị Tòa án giám định bổ sung để xác định dòng chữ trong giấy biên nhận giao tiền ngày 20/5/2015: “...với số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng chẵn). Hết” có được viết cùng thời điểm với dòng chữ “gđ anh B thanh toán cho gia đình anh T B” hay không, nếu không được viết cùng thời điểm thì được viết vào thời gian nào và so sánh với thời điểm viết chữ ký và ghi tên Phạm Thị B. Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung và thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nhưng anh T và chị B không nộp; vì vậy, việc giám định bổ sung không được thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn, Chị Phạm Thị B, anh Phạm Đình T và người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Phạm Đình T và chị Phạm Thị B; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp.

- Buộc Phạm Đình T và chị Phạm Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Phạm Đình T và chị Phạm Thị B là bị đơn nên có quyền kháng cáo bản án. Anh T, chị B nộp đơn kháng cáo, biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, hình thức, nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện ngày 11/9/2017 của anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Th là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, ban hành, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và thu thập chứng cứ đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm trong bản án đúng quy định tại các Điều 11, 12, 14 và Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

- Nguyên đơn là vợ chồng anh B, chị Th, bị đơn là vợ chồng anh T, chị B đều thừa nhận: Vào tháng 4 năm 2015, vợ chồng anh T, chị B chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 141, tờ bản đồ số 24, tại tổ 10 phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp và tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 cho vợ chồng anh B, chị Th với giá 540.000.000 đồng. Hai bên cũng đã thống nhất vào các ngày 19/4/2015 và 17/5/2015 hai bên đã thanh toán cho nhau tổng số tiền 440.000.000 đồng.

- Hai bên không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng nhà đất, nhưng không thống nhất được với nhau và tranh chấp số tiền 100.000.000 đồng bên nguyên đơn cho rằng đã trả thừa trong lần thanh toán thứ 3. Nguyên đơn xác định lần thanh toán thứ 3 chính ra chỉ phải trả cho bị đơn 100.000.000 đồng là đủ số tiền phải trả 540.000.000 đồng, nhưng do nhầm lẫn nên đã trả cho bị đơn 200.000.000 đồng. Phía bị đơn xác nhận lần giao nhận tiền thứ 3, ngày 20/5/2015 chỉ nhận của bên nguyên đơn 100.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền, chị Th có đưa tờ giấy biên nhận giao tiền đã viết sẵn ra, anh T không đọc mà chỉ có chị B đọc xong rồi ký.

- Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đủ căn cứ để khẳng định chữ ký, chữ viết ở phần “Bên nhận” trong lần giao tiền thứ 3 ngày 20/5/2015 là chữ viết, chữ ký của chị Phạm Thị B và chị B đã xem nội dung xong mới ký.

- Trên cơ sở Kết luận giám định số 07/KLGD-PC54-TL ngày 07/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình, đủ căn cứ xác định nội dung: “*gđ anh Bảy thanh toán cho gđ anh Tuấn Bảy với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng chẵn)*” trong Giấy biên nhận giao tiền ngày 20/5/2015 là hoàn toàn khách quan, không bị tẩy xóa, điền thêm.

- Nguyên đơn đã thừa nhận có viết thêm dòng chữ “+ (âm lịch 3/4/2015)” trong “Giấy biên nhận giao tiền”, việc viết thêm ngày âm lịch của nguyên đơn không phải là giả mạo chứng cứ, không ảnh hưởng gì đến nội dung tranh chấp.

- Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn anh B, chị Th và “Giấy biên nhận giao tiền” như đã phân tích, nhận định ở trên: Đủ căn cứ xác định ngày 20/5/2015 anh B chị Th đã trả cho anh T, chị B 200.000.000 đồng và tổng 3 lần đã trả tiền chuyển nhượng nhà đất là 640.000.000 đồng, so với số tiền phải trả 540.000.000 đồng là đã trả thừa 100.000.000 đồng. Việc vợ chồng anh T, chị B

đã nhận thừa 100.000.000 đồng của vợ chồng anh B, chị Th là thuộc trường hợp chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, anh B, chị Th có quyền khởi kiện đòi anh T, chị B phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

- Như vậy, bản án sơ thẩm đã quyết định buộc anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B phải trả lại cho anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị Th số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 255, 256, 599 và 600 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn buộc vợ chồng anh T, chị B có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả và chịu toàn bộ tiền chi phí giám định là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Đình T, chị Phạm Thị B không được chấp nhận nên anh T, chị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và các Điều 147, 148, 161, 162 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 255, 256, 599 và 600 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xử:**

**1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Th đối với anh Phạm Đình T và chị Phạm Thị B.**

- Buộc anh Phạm Đình T và chị Phạm Thị B phải trả lại cho anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Th số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Buộc anh Phạm Đình T và chị Phạm Thị B phải hoàn trả cho anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Th số tiền chi phí giám định là 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

**1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Th 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai

số AA/2016/0001147 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

- Anh Phạm Đình T và chị Phạm Thị B phải nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**2. Án phí dân sự phúc thẩm:** Anh Phạm Đình T và chị Phạm Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2016/0001163 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp; anh Tuấn, chị Bảy đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

**3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/9/2018).**

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự)*

Nơi nhận:

- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV-THA (1)
- Chi cục THA TP.Tam Điệp (1);
- TAND thành phố Tam Điệp (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP, tòa DS (2).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tử Lượng**



